

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **94/2021/DS-ST**
Ngày: 24 - 6 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xương.

Ông Nguyễn Ngọc Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 125/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà M. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày: Nguyên vào năm 2013 và 2014, bà M có vay tiền của bà T nhiều lần tổng cộng là 25.000.000đồng, lãi suất 6%/tháng và 08 chỉ vàng 24K, lãi suất 100.000đồng/chỉ/tháng (có ký giấy biên nhận). Đến năm 2015, bà M có gửi trả lãi cho bà T được 2.000.000đồng rồi không trả nữa. Ngày 26/10/2020 âm lịch bà T có đến nhà bà M để đòi tiền và vàng thì bà M xách cây chổi rượt đánh bà T. Bà T có yêu cầu địa phương hòa giải nhưng bà M không hợp tác nên hòa giải không thành.

Kèm theo đơn khởi kiện bà T có cung cấp cho Tòa án file ghi âm được chứa đựng trong thẻ nhớ Micro SD 8GB class 4 hiệu SanDisk, ghi nhận việc bà M thừa nhận nợ và hứa bán được đất sẽ trả đủ cho bà T một lần số vàng và tiền nêu trên, được bà T ghi lại bằng điện thoại vào lúc khoảng 13 giờ 00 phút ngày 16/8/2018 và được lưu trữ trong thẻ nhớ. Nội dung cụ thể của cuộc đối thoại giữa hai bên theo như văn bản tường trình mà bà T đã cung cấp cho Tòa án.

Tại thời điểm ghi âm chỉ có một mình bà T đến nhà bà M, không có ai khác đi theo hoặc chứng kiến sự việc. Do trước đó đã nhiều lần bà M phủ nhận việc có nợ bà T số nợ trên nên bà T không còn cách nào khác là phải tìm cách ghi âm lại giọng nói của bà M để làm chứng cứ trước Tòa án, từ đó bà T đã mang theo điện thoại để trong túi quần để nhằm ghi âm lại cuộc đối thoại giữa bà T và bà M, trong cuộc đối thoại được ghi âm lại có 02 giọng nói trong đó giọng nói to hơn là của bà T còn giọng nói nhỏ hơn là của bà M, lý do khiến giọng của bà M nhỏ hơn là vì điện thoại được bà T để trong túi quần của bà T và cũng cách hơi xa chỗ bà M đứng nói chuyện, nếu bà T cầm điện thoại ở ngoài để ghi âm thì bà T lại sợ là bà M sẽ nghi ngờ mà không thừa nhận việc có nợ bà T số nợ trên.

Về diễn biến của cuộc đối thoại, bà M kêu bà T sang phần đất có diện tích khoảng 08 công của bà M để bà M có tiền trả nợ cho bà T cùng những người khác mà bà M cũng đang nợ, nhưng bà T nói không có vàng để sang và đề nghị bà M tạm thời giao cho bà T khoảng 2, 3 công đất để canh tác khi nào có tiền thì bà M chuộc lại nhưng bà M không đồng ý, bà M nói là bà M không chỉ nợ riêng bà T mà còn nợ những người khác nếu chỉ trả nợ cho bà T thì những người kia không đồng ý, bà M hứa là sẽ sang hết đất để trả nợ cho bà T cùng những người khác; trong cuộc đối thoại thì bà T có đề cập rõ ràng đến số nợ 25.000.000đồng và 08 chỉ vàng 24K thì bà M không hề có ý kiến gì phản đối tức là bà M đã mặc nhiên thừa nhận có nợ bà T số nợ này...

Về giọng nói của bà M thì đề nghị Tòa án triệu tập bà M đến Tòa án để mở file ghi âm cho bà M và bà T cùng nghe để hai bên đối chất, xác nhận về nội dung của cuộc đối thoại. Trường hợp sau khi nghe mà bà M không thừa nhận giọng nói là của bà M thì Tòa án có thể ghi âm lại giọng nói của bà M để thực hiện thủ tục giám định theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà M không hợp tác thì đề nghị Tòa án đến liên hệ Tổ hòa giải ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng gồm ông H, bà H1, ông H2 là những người đã tiến hành hòa giải sự việc tranh chấp giữa bà T và bà M theo nội dung Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 02/3/2021 mà bà T đã cung cấp cho Tòa án; Tòa án có thể mở file ghi âm cho những người này nghe để xác nhận giọng nói trong file ghi âm có đúng là của bà M hay không vì những người này từng tham gia hòa giải nên biết rất rõ giọng nói của bà M; trên thực tế thì ở trong xóm cũng có rất nhiều người có thể xác nhận được giọng nói trong file ghi âm là của bà M nhưng do bà M rất hung dữ nên không có ai dám đứng ra làm chứng vì rất sợ bà M trả thù, chỉ có 02 vợ chồng ông H3 và bà H4 (cư trú ở ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng) hay đi dăm lúa cho bà M có thể làm chứng.

Ngoài ra, bà T có cung cấp Biên nhận đề ngày 20/10/2018 âm lịch được lập sau thời điểm bà T ghi âm đoạn đối thoại giữa bà T và bà M vào ngày 16/8/2018

âm lịch, lý do lập biên nhận là lúc đầu chồng bà T là ông H5 không biết việc bà T cho bà M vay tiền, vàng vì bà T giấu ông H5; vào ngày 16/8/2018 âm lịch khi bà T đến đòi nợ thì bà M có nói là sẽ đến gặp ông H5 để nói về việc bà M có nợ tiền, vàng của bà T nhưng hơn 02 tháng sau đó bà M không đến gặp ông H5; từ đó bà T mới kêu bà M lập biên nhận để đem về nhà cho ông H5 xem. Biên nhận do bà T nhờ người khác viết, toàn bộ nội dung biên nhận này bà M không có viết và ký tên mà chỉ gạch thập, dấu “X” dưới chữ “M” ở phía cuối biên nhận là do bà M gạch, hiện nay bà T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh bà M đã gạch dấu “X” vào biên nhận. Đối với 18 Tờ giấy kê tiền, vàng có trong hồ sơ vụ án trước đây mà bà T cung cấp là do cá nhân bà T tự lập để theo dõi tiền lãi phát sinh từ số tiền là 25.000.000đồng và số vàng 08 chỉ vàng 24K vốn vay, trong quá trình vay bà M chỉ đóng tiền lãi cho bà T được 2.000.000đồng và không có trả tiền, vàng vốn. Nay bà T không yêu cầu Tòa án xem xét về nội dung Biên nhận đề ngày 20/10/2018 âm lịch và 18 Tờ giấy kê tiền, vàng vì bà T không có chứng cứ gì để chứng minh về nội dung của các giấy tờ này; đề nghị Tòa án căn cứ theo nội dung file ghi âm mà bà T đã cung cấp để giải quyết vụ án.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2021 bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả cho bà T số tiền 25.000.000đồng và 08 chỉ vàng 24K tạm tính mỗi chỉ 5.000.000đồng x 8 = 40.000.000đồng; yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ năm 2015 tới nay. Tại Biên bản lấy khai ngày 11/5/2021 bà T rút lại yêu cầu về việc tính lãi, còn đối với yêu cầu đòi bà M trả lại số tiền, vàng vốn vay là 25.000.000đồng và 08 chỉ vàng 24K thì bà T vẫn giữ nguyên.

* *Bị đơn bà M:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà M nhưng bà M không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã được rút lại một phần theo nội dung Biên bản lấy khai ngày 11/5/2021; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà M trả cho bà T số tiền, vàng vốn vay là 25.000.000đồng và 08 chỉ vàng 24K quy đổi ra thành tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại

diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả cho bà T số tiền, vàng vốn vay là 25.000.000đồng và 08 chỉ vàng 24K, đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ năm 2015 tới nay; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà M có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả cho bà T số tiền, vàng vốn vay là 25.000.000đồng và 08 chỉ vàng 24K, đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ năm 2015 tới nay. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy khai ngày 11/5/2021 bà T xin tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này của bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà bà T đã rút này.

[5] Về tài liệu, chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án này cũng như vụ án trước đây mà TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã đình chỉ giải quyết theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự A9/2021/QĐST-DS ngày 12/3/2021 bà T có cung cấp một số tài liệu, chứng cứ để yêu cầu Tòa án xem xét. Tuy nhiên, hiện nay bà T không yêu cầu Tòa án xem xét về nội dung của Biên nhận đề ngày 20/10/2018 âm lịch và 18 Tờ giấy kê tiền, vàng vì bà T không có chứng cứ gì để chứng minh về nội dung của các giấy tờ này; bà T chỉ yêu cầu Tòa án xem xét về nội dung của file ghi âm được chứa đựng trong thẻ nhớ Micro SD 8GB class 4 hiệu SanDisk; ngoài file ghi âm này ra bà T khẳng định là bà T không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định file ghi âm này là tài liệu, chứng cứ duy nhất mà bà T cung cấp được trong vụ án này. File ghi âm này là tài liệu nghe được do bà T tự thu âm, kèm theo file ghi âm bà T có xuất trình cho Tòa án văn bản trình bày về nội dung và xuất xứ của file ghi âm. Do đó, file ghi âm này thỏa mãn đầy đủ các điều kiện để được xác định là chứng cứ theo quy định tại Điều 93, khoản 1 Điều 94 và khoản 2 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về nội dung vụ án: Bà T cho rằng vào các năm 2013, 2014 bà T có cho bà M vay mượn tiền, vàng nhiều lần tổng cộng là 25.000.000đồng và 08 chỉ vàng

24K, có thỏa thuận lãi và đến năm 2015 bà M có trả lãi cho bà T được 2.000.000đồng rồi không trả nữa, sau đó bà T yêu cầu bà M trả số nợ này nhưng bà M không đồng ý trả, từ đó hai bên phát sinh tranh chấp cho đến nay. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T xác định 08 chỉ vàng 24K cho bà M vay mượn là vàng 24K thuộc loại 98% vì tại địa phương khi giao dịch vay mượn vàng với nhau thì người dân đều sử dụng loại vàng này làm phương tiện giao dịch. Về nội dung của file ghi âm, theo xác nhận của những người biết rõ giọng nói của bà M gồm ông H (là Tổ trưởng Tổ hòa giải ấp A từng tham gia buổi hòa giải ở cơ sở ngày 02/3/2021 giữa bà T và bà M), ông H3 và bà H4 (là những người cư trú cùng địa chỉ với bà M tại ấp A và từng được bà M thuê dăm lúa cho ruộng của bà M) thì giọng nói trong file ghi âm đúng là giọng nói của bà M. Diễn biến của đoạn đối thoại trong file ghi âm thể hiện rõ việc khi hai bên nói chuyện với nhau bà T cố tình lồng ghép vào cuộc nói chuyện việc bà M có nợ của bà T 25.000.000đồng và 08 chỉ vàng 24K, khi đó bà M không hề có ý kiến gì phản đối về số nợ này mà còn hứa hẹn sẽ sang đất để trả hết số nợ này cho bà T, sự không phản đối của bà M ở đây được hiểu là bà M đã mặc nhiên thừa nhận có nợ bà T số nợ này. Xét thấy, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”*; *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác... phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*; *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Việc bà T cho rằng 08 chỉ vàng 24K cho bà M vay mượn là vàng 24K thuộc loại 98% cũng là phù hợp với thực tế giao dịch tại địa phương. Do đó, căn cứ vào nội dung của file ghi âm thì nghĩa vụ của bà T về việc chứng minh bà M có nợ bà T 25.000.000đồng và 08 chỉ vàng 24K (loại 98%) đã được thực hiện xong; trong trường hợp bà M không đồng ý với yêu cầu của bà T thì bà M phải có nghĩa vụ chứng minh theo hướng ngược lại. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bà M để thông báo cho bà M biết về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà T cũng như về nội dung của file ghi âm do bà T cung cấp; đồng thời triệu tập bà M đến Tòa án để nghe file ghi âm và xác nhận về nội dung, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử, nhưng bà M đều không có ý kiến cũng như không đến Tòa án tham gia tố tụng thì xem như bà M đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[7] Như vậy, đã có đủ căn cứ khẳng định bà M có vay của bà T số tiền, vàng vốn là 25.000.000đồng và 08 chỉ vàng 24K (loại 98%) nhưng cho đến nay bà M chưa trả số nợ này cho bà T là vi phạm thỏa thuận về vay tài sản đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng hiện nay là Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015). Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả số nợ này là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Để có căn cứ tính án phí sơ thẩm và tiền lãi chậm trả tại giai đoạn thi hành án thì cần thiết phải quy đổi 08 chỉ vàng 24K (loại 98%) ra thành tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Theo đó, tại thời điểm xét xử sơ thẩm 08 chỉ vàng 24K (loại 98%) có giá là 5.195.000đồng/chỉ x 08 chỉ = 41.560.000đồng.

[9] Về tiền lãi phát sinh từ số tiền, vàng vốn vay: Bà T đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về vấn đề này và Hội đồng xét xử đã đình chỉ xét xử như đã nêu tại mục [4].

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà M phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền, vàng vốn vay là 25.000.000đồng và 08 chỉ vàng 24K (loại 98%) quy đổi ra thành tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 41.560.000đồng; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Thủy về việc yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ số tiền, vàng vốn vay này đối với bà M theo quy định của pháp luật.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.625.000đồng đã nộp; bà M phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là $(25.000.000\text{đồng} + 41.560.000\text{đồng}) \times 5\% = 3.328.000\text{đồng}$ tương ứng trên số tiền, vàng vốn vay bị Tòa án buộc trả, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, khoản 1 Điều 94, khoản 2 Điều 95, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 290, 305, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T về việc yêu cầu bị đơn bà M trả số tiền, vàng vốn vay.

Buộc bà M phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền, vàng vốn vay là 25.000.000đồng và 08 chỉ vàng 24K (loại 98%) quy đổi ra thành tiền tại thời điểm

xét xử sơ thẩm là 41.560.000đồng; tổng cộng là 66.560.000đồng (*Sáu mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T về việc yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ số tiền, vàng vốn vay là 25.000.000đồng và 08 chỉ vàng 24K (loại 98%) đối với bị đơn bà M theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà T đã nộp là 1.625.000đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0009774, ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà M phải chịu án phí sơ thẩm là 3.328.000đồng (*Ba triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Bà T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với bà M không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày bà M nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt